



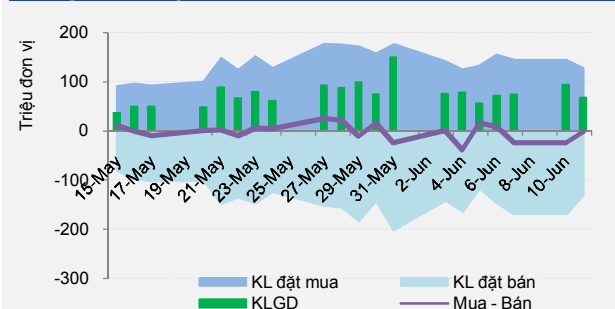
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 11/6/2013

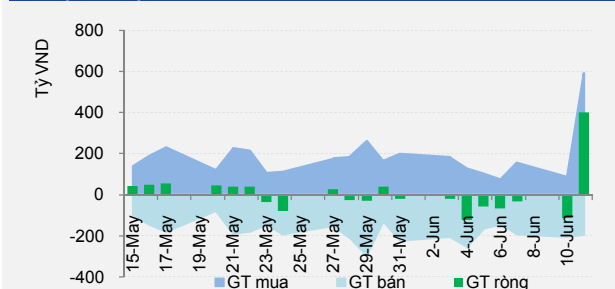
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	522.0	65.5
% Thay đổi	↓ -0.5%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	68,047,473	39,932,491
GTGD (tỷ đồng)	1,506.72	344.39
Tổng cung (CP)	129,753,240	86,613,700
Tổng cầu (CP)	127,196,440	71,439,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,902,421	1,252,980
KL mua (CP)	12,068,511	1,492,500
GTmua (tỷ đồng)	592.73	15.20
GT bán (tỷ đồng)	192.61	12.99
GT ròng (tỷ đồng)	400.12	2.21

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.95%	7.4	1.6	1.6%
Công nghiệp	↓ -0.38%	21.4	1.0	11.6%
Dầu khí	↓ -1.80%	6.1	1.3	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.78%	9.6	1.6	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.19%	8.2	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.80%	15.7	5.2	10.9%
Ngân hàng	↓ -0.89%	7.4	1.4	6.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.25%	8.6	1.8	9.6%
Tài chính	↓ -0.86%	29.4	3.1	47.8%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.42%	9.5	3.3	5.7%
VN - Index	↓ -0.50%	14.7	3.2	82.0%
HNX - Index	↓ -0.17%	24.1	1.3	18.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau khi xuất hiện một số dấu hiệu yếu đi thì thị trường đã có hai phiên điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ. Một số cổ phiếu có mức tăng mạnh trong thời gian gần đây như REE, PET, HPG, GAS... đang có dấu hiệu yếu đi và có thể những cổ phiếu này cần thời gian tích lũy để có thể tiếp tục tăng điểm. Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index cảnh báo xu hướng. Mặc dù cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều đang xuất hiện những tín hiệu yếu đi nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng tăng điểm vẫn chưa bị phá vỡ. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 521.95 điểm, giảm 2.61 điểm tương ứng với mức 0.5% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 59 triệu đơn vị, tăng 21.32% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm nhẹ mức 65.49 điểm, giảm 0.11 điểm tương ứng với mức 0.17% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 38.1 triệu đơn vị, tăng 25.25% so với phiên trước.

- Sáng nay 11/6, kết quả lấy phiếu tín nhiệm 47 chức danh chủ chốt do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn đã được công bố. Dẫn đầu về số phiếu tín nhiệm cao là Phó chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân với 372 phiếu. Thống đốc NHNN, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ là ba chức danh có số phiếu tín nhiệm thấp cao nhất, lần lượt là 209 (42.5%), 177 (35.9%) và 160 phiếu (32.5%).

- Theo Nghị quyết số 35 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa đánh giá tín nhiệm thấp có thể xin từ chức. Người có trên 2/3 (66%) đánh giá tín nhiệm thấp hoặc 2 năm liên tiếp có quá nửa (50%) đánh giá tín nhiệm thấp thì Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm. Nếu người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa phiếu không tín nhiệm thì Quốc hội, Hội đồng nhân dân sẽ xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn việc miễn nhiệm, cách chức.

- Đánh giá tín nhiệm thấp đối với hai chức danh Thống đốc NHNN và Thủ tướng Chính phủ đến từ thực trạng nền kinh tế vẫn đang đối diện với nhiều rủi ro mang tính cơ cấu, liên quan đến nợ xấu, DNNN làm ăn kém hiệu quả, thị trường BĐS đóng băng và định hướng tái cơ cấu nền kinh tế chưa có hướng đi rõ ràng. Tuy nhiên mức độ tín nhiệm thấp trên chưa thuộc diện cần bỏ phiếu tín nhiệm lại theo quy định của Quốc hội. Mặt khác, các giải pháp nhằm cơ cấu lại nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng Chính phủ thực hiện đang đi đúng hướng, dù kết quả còn chậm. Do vậy dự kiến kết quả lấy phiếu tín nhiệm sẽ là động lực để Chính phủ và các Bộ ban ngành nỗ lực đảm nhiệm hiệu quả công việc, không dẫn đến thay đổi mang tính đột biến.

- Hôm nay Cổng Thông tin điện tử Chính phủ tổ chức đối thoại trực tuyến về gói tín dụng 30.000 tỷ đồng hỗ trợ nhà ở xã hội. Trong đó, Bộ Xây dựng cho biết ngoài gói hỗ trợ tín dụng 30,000 tỷ đồng, Bộ đang xây dựng Nghị định mới về chính sách phát triển nhà ở cho thuê, dự kiến ban hành trong Tháng 7, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người thu nhập thấp. Về khả năng tiếp cận gói hỗ trợ, việc đáp ứng các điều kiện thuộc về đối tượng được vay vốn là điều kiện cần, điều kiện đủ là người vay có đủ nguồn vốn đối ứng, có tài sản đảm bảo, có thu nhập đủ khả năng hoàn trả khoản vốn vay. Giá trị khoản vay do vậy sẽ do Ngân hàng toàn quyền quyết định, trên cơ sở khả năng trả nợ/thu hồi vốn từ khách hàng vay.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ đang đảo chiều nhẹ. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 7.35%, tăng khoảng 0.1%-0.2% so với hôm trước. Mức lợi suất này cũng cao hơn lãi suất đầu thầu phiên gần nhất, 7.3% vào ngày 6/6. Chưa rõ ràng về diễn biến đảo chiều của xu hướng lợi suất, sau diễn biến giảm mạnh lợi suất trong tháng 5. Giao dịch trên thị trường trái phiếu hiện tại cũng khá trầm lắng. Tuy nhiên thị trường đang kỳ vọng vào sự cải thiện rõ ràng hơn của dòng tín dụng, giúp ngân hàng tìm được điểm ra tốt hơn của dòng vốn, không tập trung vào kênh trái phiếu như hiện nay..

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 521.95 điểm, giảm 2.61 điểm tương ứng với mức 0.5% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Độ rộng thị trường tăng nhẹ so với phiên hôm trước khi mà số lượng cổ phiếu tăng tăng nhẹ và số cổ phiếu giảm giảm nhẹ.

Chỉ báo MA20 cắt lên MA50 là tín hiệu đảo chiều sang xu thế tăng điểm. DI+ cắt lên đường DI- cho tín hiệu tích cực, chỉ báo ADX tăng trên mức 25 cho thấy xu hướng tăng của thị trường là khá mạnh. Chỉ số VN-Index phân kỳ với chỉ báo RSI.

- Mức kháng cự cho chỉ số VN-Index là khu vực 540 điểm.
Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 510 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã có hai phiên điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ cũng như xuất hiện tín hiệu phân kỳ giữa chỉ số VN-Index với chỉ báo RSI. Mặc dù chỉ số VN-Index đang xuất hiện một số tín hiệu yếu đi nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng tăng điểm vẫn chưa bị phá vỡ. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm nhẹ mức 65.49 điểm, giảm 0.11 điểm tương ứng với mức 0.17% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Độ rộng thị trường tăng nhẹ so với phiên hôm trước khi mà số lượng cổ phiếu tăng tăng nhẹ và số cổ phiếu giảm giảm nhẹ.

- Chỉ báo MA20 cắt lên MA50 là tín hiệu đảo chiều sang xu thế tăng điểm. DI+ cắt lên đường DI- cho tín hiệu tích cực, chỉ báo ADX tăng trên mức 25 cho thấy xu hướng tăng của thị trường là khá mạnh. Chỉ số HNX-Index phân kỳ với chỉ báo RSI.

- Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 67 điểm.
Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 63-64 điểm.

Nhận định: Sau tín hiệu yếu đi trong phiên hôm qua thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ. Với phiên giảm điểm ngày hôm nay thì chỉ số HNX-Index cũng xuất hiện tín hiệu phân kỳ với chỉ báo RSI. Mặc dù chỉ số HNX-Index đang xuất hiện một số tín hiệu yếu đi nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng tăng điểm vẫn chưa bị phá vỡ. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.



Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
KLS	27/05/2013		Mua	9	11.5	8.5	9.1	1.11
OGC	27/05/2013		Mua	12.5	16	11.8	12.3	-1.60

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tiếp phiên giảm điểm trên hai sàn sau khi tiếp cận ngưỡng cản kỹ thuật sau 3 phiên tăng điểm. Đà giảm tăng dần về cuối phiên sức áp lực cung trong phiên xác định giá đóng cửa của khối ngoại. Áp lực cung khá mạnh, tuy nhiên diễn biến thị trường chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD Q1 hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ suất cổ tức theo kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
SDA	1.96	9686.90%	16,928	198	14,632	0.70%	1.36%	24.30	0.97	0.90	0.33	500
KDC	32.64	8965.80%	81,947	2,448	27,515	6.84%	9.21%	19.56	0.32	0.37	1.74	2,000
PGC	20.89	4647.90%	409,757	1,616	12,478	5.61%	13.50%	6.19	1.51	0.86	0.80	1,200
SDE	0.94	3045.40%	738	1,822	14,678	4.19%	13.06%	3.29	2.34	1.31	0.41	-
NKG	25.27	2023.67%	90,405	(3,516)	10,142	-4.99%	-31.8%	(4.32)	6.56	(0.04)	1.50	-
HTL	0.53	1882.89%	33	487	11,105	2.78%	4.51%	12.72	0.77	0.61	0.56	500
RIC	4.03	1818.00%	2,047	178	14,907	0.98%	1.19%	32.08	0.24	0.52	0.38	-
VIP	112.09	1758.84%	945,829	2,694	16,481	7.94%	17.88%	3.04	1.06	1.65	0.50	-
PSI	3.26	1614.78%	261,351	65	9,944	0.36%	0.66%	103.08	0.86	1.46	0.67	-
PDC	1.36	1605.10%	10,568	444	8,499	3.59%	5.30%	7.21	0.43	1.21	0.38	-

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q1.2013 HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	% hoàn thành kế	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PPC	945	612%	1,446,663	4,489	15,629	12%	35%	5.64	282%	1.08	1.62	800
PVT	53	29%	1,366,460	461	11,344	1%	4%	12.35	136%	1.40	0.50	-
NBP	11	191%	4,600	2,780	17,394	10%	16%	5.75	110%	0.13	0.92	500
BSI	2	-91%	39,236	(50)	7,861	0%	-1%	(74.74)	106%	1.26	0.47	-
SEC	32	19%	680	4,010	14,498	11%	28%	4.74	103%	(0.25)	1.31	1,300
SLS	12	#N/A	177	7,244	25,154	19%	30%	3.52	99%	(0.17)	1.01	1,500
MKV	0	177%	1,634	224	9,383	2%	3%	35.32	98%	0.49	0.84	-
VIP	112	1759%	945,829	2,694	16,481	8%	18%	3.04	95%	1.65	0.50	-
ITC	7	90%	607,725	131	25,718	0%	1%	65.81	88%	1.49	0.33	-
BTP	47	483%	491,886	3,096	16,740	9%	20%	5.10	88%	1.01	0.94	800

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ SUẤT CỔ TỨC THEO KẾ HOẠCH 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	KH Cổ tức	Tỷ suất cổ tức theo KH
CMT	(0.57)	75%	8,113	790	13,437	2.97%	5.48%	6.45	7.27	(0.32)	2,000	39.22%
CLP	(6.89)	#N/A	44	(2,002)	14,654	-2.88%	-12.6%	(2.25)	13.31	(0.19)	1,500	33.33%
SAV	0.88	-23%	18,402	706	28,104	0.99%	2.4%	11.75	30.12	0.46	2,500	30.12%
PXI	0.23	-95%	47,291	146	11,030	0.49%	1.34%	24.61	30.12	0.99	1,000	27.78%
CTV	(0.40)	0%	714	156	10,780	1.21%	1.45%	22.37	14.60	(0.16)	1,000	28.57%
CX8	0.03	-29%	1,377	281	13,783	0.38%	2.04%	11.7	30.12	(0.09)	926	28.06%
CCL	0.81	-72%	41,349	258	10,971	1.21%	2.37%	15.09	53.76	0.84	1,000	25.64%
TNG	1.14	-52%	20,313	1,789	15,797	2.40%	11.34%	4.64	5.94	0.89	2,000	24.10%
HAP	1.41	89%	295,828	394	19,050	1.47%	2.06%	15.73	15.77	1.00	1,500	24.19%
VHH	(1.98)	-275%	3,864	(743)	9,750	-3.36%	-7.29%	(2.83)	30.12	0.37	500	23.81%

Ghi chú:

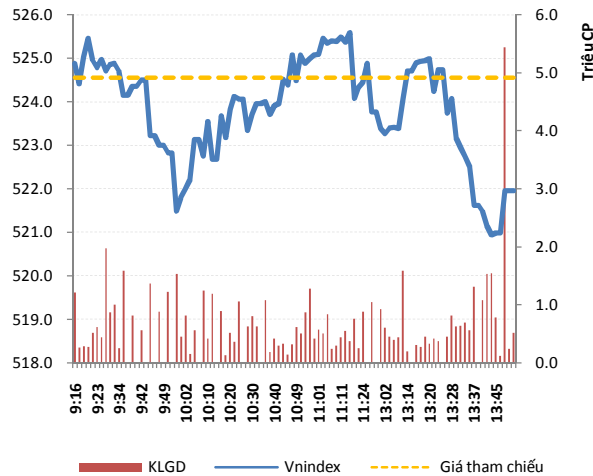
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

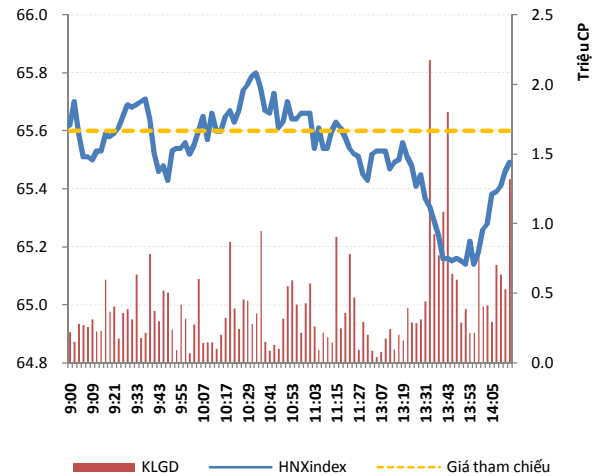
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 11/06/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

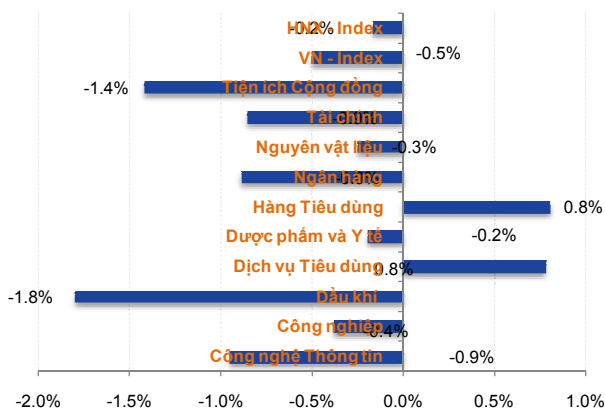
KLGD và VN-Index trong phiên



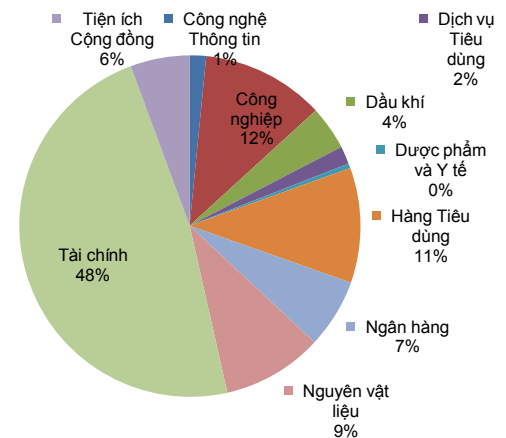
KLGD và HNX-Index trong phiên



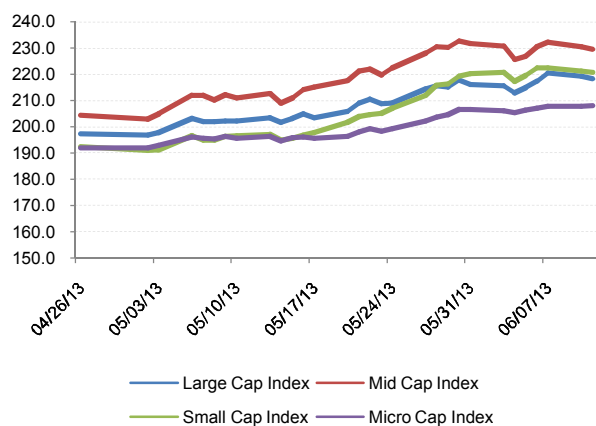
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



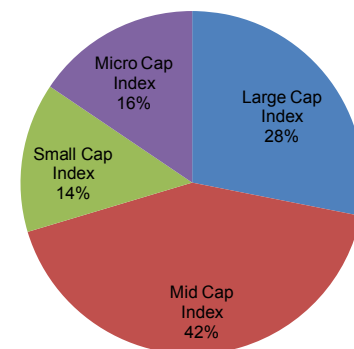
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIC	6,252,790	OGC	456,510
2	SBT	702,020	HAG	229,910
3	VCB	168,450	LCM	200,000
4	PVF	129,980	VFMVF4	199,010
5	STB	110,570	DIG	168,350

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	980,000	KLS	1,049,600
2	PVX	107,900	PVS	92,600
3	VCG	76,700	PVC	13,500
4	WSS	30,000	KHL	5,200
5	PMC	27,220	DHP	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIC	70.0	68.5	↓ -2.14%	7,434,540
ITA	7.8	7.7	↓ -1.28%	3,898,570
HQC	7.0	7.0	→ 0.00%	3,705,930
REE	27.1	26.5	↓ -2.21%	2,416,830
HAG	22.7	22.4	↓ -1.32%	2,049,260

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.3	7.2	↓ -1.37%	5,545,963
SCR	8.1	8.0	↓ -1.23%	3,879,121
PVX	5.7	5.7	→ 0.00%	3,461,551
KLS	9.2	9.1	↓ -1.09%	3,278,750
PVS	18.1	17.8	↓ -1.66%	2,847,405

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	40.6	43.4	2.8	↑ 6.90%
TRC	45.4	48.5	3.1	↑ 6.83%
TAC	42.6	45.5	2.9	↑ 6.81%
TDW	13.4	14.3	0.9	↑ 6.72%
VPH	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
GBS	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
MMC	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
KTT	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%
WSS	4.2	4.6	0.4	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	29.0	27.0	-2.0	↓ -6.90%
TMS	29.4	27.4	-2.0	↓ -6.80%
CLP	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
NHW	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
SVT	7.5	7.0	-0.5	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
CTA	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
SJM	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
PRC	8.1	7.3	-0.8	↓ -9.88%
PPP	9.2	8.3	-0.9	↓ -9.78%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	7,434,540	11.0%	1,210	56.6	5.9
ITA	3,898,570	0.2%	34	228.6	0.6
HQC	3,705,930	3.1%	447	15.7	0.6
REE	2,416,830	12.9%	2,127	12.5	1.7
HAG	2,049,260	3.6%	626	35.8	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,545,963	-2.3%	(266)	-	0.7
SCR	3,879,121	-0.3%	(43)	-	0.5
PVX	3,461,551	-34.5%	(2,816)	-	1.0
KLS	3,278,750	0.4%	55	166.3	0.7
PVS	2,847,405	18.6%	3,133	5.7	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVI	↑ 6.9%	30.9%	6,856	6.3	1.9
TRC	↑ 6.8%	27.3%	11,679	4.2	1.1
TAC	↑ 6.8%	16.9%	3,262	13.9	2.2
TDW	↑ 6.7%	16.1%	2,321	6.2	0.9
VPH	↑ 6.7%	1.1%	217	29.5	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 12.5%	-132.8%	(3,966)	(0.2)	0.5
GBS	↑ 10.0%	-4.5%	(515)	(4.3)	0.2
MMC	↑ 10.0%	-15.6%	(1,667)	(2.0)	0.3
KTT	↑ 9.7%	0.5%	49	69.7	0.3
WSS	↑ 9.5%	0.0%	(3)	(1,429.9)	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	6,252,790	11.0%	1,210	56.6	5.9
SBT	702,020	22.9%	3,073	4.7	1.2
VCB	168,450	10.1%	1,804	17.4	1.7
PVF	129,980	-1.5%	(165)	-	0.8
STB	110,570	4.2%	524	33.0	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	980,000	6.8%	758	12.7	0.8
PVX	107,900	-34.5%	(2,816)	-	1.0
VCG	76,700	2.3%	267	46.8	1.1
WSS	30,000	0.0%	(3)	-	0.5
PMC	27,220	35.7%	4,848	7.6	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	118,438	42.1%	6,141	10.2	3.8
VNM	116,694	40.4%	7,294	19.2	6.9
MSN	76,155	6.5%	1,472	73.4	4.8
VCB	72,535	10.1%	1,804	17.4	1.7
CTG	63,690	17.2%	2,726	7.2	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,660	3.1%	424	39.3	1.2
PVS	7,951	18.6%	3,133	5.7	1.1
SQC	7,139	9.1%	1,110	58.5	5.2
SHB	6,380	-2.3%	(266)	-	0.7
VCG	5,521	2.3%	267	46.8	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.77	-12.5%	(1,768)	-	0.6
ITA	2.65	0.2%	34	228.6	0.6
BVH	2.35	9.3%	1,634	32.1	2.9
OGC	1.99	0.6%	69	178.1	1.1
PVF	1.95	-1.5%	(165)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	3.02	-34.5%	(2,816)	-	1.0
PVL	3.01	-4.9%	(526)	-	0.3
PXA	2.87	-48.1%	(4,075)	-	0.3
S96	2.80	-6.0%	(462)	-	0.4
PVV	2.75	-26.1%	(2,486)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)